

<b>Started on</b>	Thursday, 19 October 2023, 10:42 AM
<b>State</b>	Finished
<b>Completed on</b>	Thursday, 19 October 2023, 10:42 AM
<b>Time taken</b>	7 secs
<b>Marks</b>	0.00/55.00
<b>Grade</b>	<b>0.00</b> out of 10.00 ( <b>0%</b> )

**Question 1**

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây KHÔNG đúng khi nói về lỗ hổng Zero-day

- ☐ a. Là lỗ hổng nhà sản xuất chưa kịp vá
- ☐ b. Là lỗ hổng nguy hiểm khi tấn công vào hệ thống chưa có giải pháp bảo vệ
- ☐ c. Là lỗ hổng hacker chưa công bố rộng rãi
- ☐ d. Là lỗ hổng phá hoại hệ thống trong vòng một ngày

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Là lỗ hổng phá hoại hệ thống trong vòng một ngày

**Question 2**

Not answered

Marked out of 1.00

Các giải pháp mã hóa KHÔNG đảm bảo được tính chất nào sau đây

- ☐ a. Tính xác thực
- ☐ b. Tính toàn vẹn
- ☐ c. Tính sẵn sàng
- ☐ d. Tính bí mật

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Tính sẵn sàng

**Question 3**

Not answered

Marked out of 1.00

Đảm bảo dữ liệu không bị sửa đổi trong quá trình lưu trữ hay trong quá trình truyền qua mạng bởi những người dùng không hợp pháp gọi là?

- ☐ a. Non-repudiation
- ☐ b. Availability
- ☐ c. Confidentiality
- ☐ d. Integrity

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Integrity

**Question 4**

Not answered

Marked out of 1.00

Mục đích chính của chương trình nâng cao nhận thức bảo mật là?

- ☐ a. Rootkit
- ☐ b. Code Red
- ☐ c. Ransomware
- ☐ d. Logic boom

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Ransomware

**Question 5**

Not answered

Marked out of 1.00

Phương pháp nào sau đây là TỐT NHẤT để giảm hiệu quả của các cuộc tấn công lừa đảo trên mạng?

- ☐ a. Phần mềm chống lừa đảo
- ☐ b. Xác thực 2 yếu tố
- ☐ c. Đào tạo nâng cao nhận thức người dùng
- ☐ d. Quét lỗ hổng cho hệ thống định kỳ

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Đào tạo nâng cao nhận thức người dùng

**Question 6**

Not answered

Marked out of 1.00

Rủi ro chính từ việc sử dụng phần mềm lỗi thời (outdated software) là gì

- ☐ a. Nó có thể không còn được hỗ trợ bởi các nhà cung cấp
- ☐ b. Nó có thể không có các tính năng bảo mật hiện đại nhất
- ☐ c. Nó có thể không có tất cả các tính năng bạn cần
- ☐ d. Có thể dễ dàng xâm nhập hơn phần mềm mới hơn

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Nó có thể không còn được hỗ trợ bởi các nhà cung cấp

**Question 7**

Not answered

Marked out of 1.00

Nếu bạn chia sẻ quá nhiều thông tin trên phương tiện truyền thông xã hội, bạn có thể gặp rủi ro gì?

- ☐ a. Mã độc (malware)
- ☐ b. Đánh cắp tiền
- ☐ c. Ransomware
- ☐ d. Tấn công giả mạo (Phishing)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Tấn công giả mạo (Phishing)

**Question 8**

Not answered

Marked out of 1.00

Frank rất quan tâm đến các cuộc tấn công vào máy chủ thương mại điện tử của công ty. Ông đặc biệt lo lắng về tấn công SQL Injection. Điều nào sau đây sẽ bảo vệ tốt nhất trước cuộc tấn công cụ thể này?

- ☐ a. Firewall
- ☐ b. IDS
- ☐ c. Lọc dữ liệu người dùng nhập vào
- ☐ d. Lưu lượng truy cập web được mã hóa

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Lọc dữ liệu người dùng nhập vào

**Question 9**

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây đúng khi nói về tấn công làm tràn bộ đệm (buffer Overflow)

- ☐ a. Ghi đè các giá trị lên các biến của chương trình nhằm thay đổi hành vi của chương trình theo mục đích của kẻ tấn công
- ☐ b. Xảy ra do kiểm tra dữ liệu đầu vào không đầy đủ hoặc bị bỏ qua
- ☐ c. Xóa dữ liệu người dùng
- ☐ d. Kẻ tấn công gửi các chuỗi dữ liệu lớn làm tràn bộ đệm đã được thiết kế cho chương trình

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Kẻ tấn công gửi các chuỗi dữ liệu lớn làm tràn bộ đệm đã được thiết kế cho chương trình

**Question 10**

Not answered

Marked out of 1.00

Câu nào sau đây KHÔNG phải là một cơ chế điều khiển truy cập?

- ☐ a. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ b. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Subjective Access Control (SAC)
- ☐ e. Role Based Access Control (RBAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Subjective Access Control (SAC)

**Question 11**

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây xảy ra khi một chuỗi dữ liệu được gửi đến bộ đệm lớn hơn bộ đệm được thiết kế để xử lý?

- ☐ a. Brute Force attack
- ☐ b. Buffer overflow
- ☐ c. SYN flood
- ☐ d. Blue Screen of Death
- ☐ e. Spoofing attack
- ☐ f. Man in the middle attack

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Buffer overflow

**Question 12**

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây mô tả tốt nhất cơ chế kiểm soát truy cập trong đó các quyết định kiểm soát truy cập dựa trên trách nhiệm của người dùng trong một tổ chức?

- ☐ a. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ b. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Subjective Access Control (SAC)
- ☐ e. Attribute Based Access Control (ABAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Role Based Access Control (RBAC)

**Question 13**

Not answered

Marked out of 1.00

Điều nào sau đây mô tả đúng nhất cơ chế kiểm soát truy cập cho phép chủ sở hữu dữ liệu tạo và quản lý kiểm soát truy cập?

- ☐ a. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ b. List Based Access Control (LBAC)
- ☐ c. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ d. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ e. Mandatory Access Control (MAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

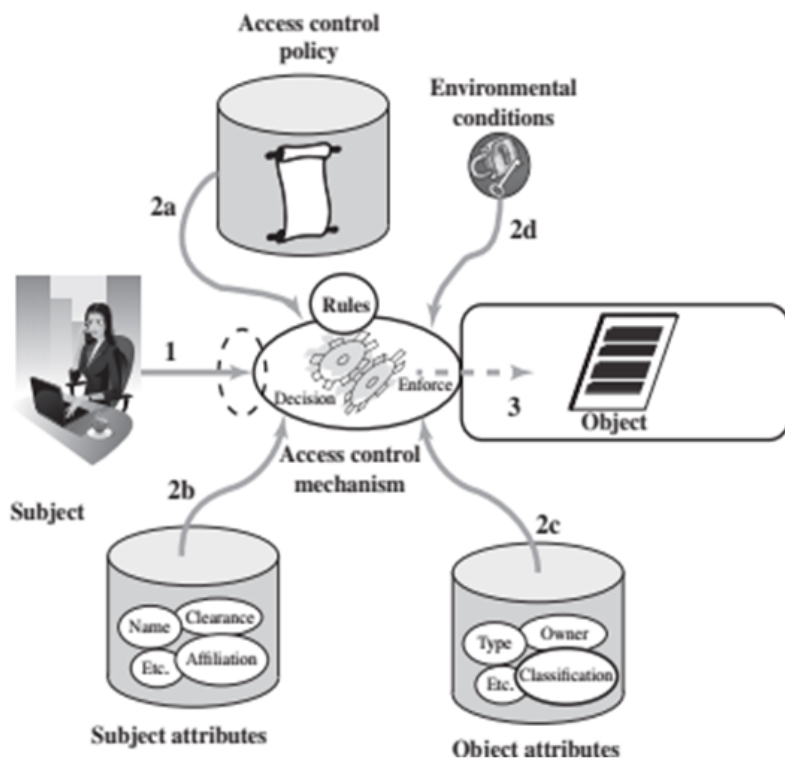
Discretionary Access Control (DAC)

**Question 14**

Not answered

Marked out of 1.00

Hình sau đây mô tả đúng nhất cơ chế kiểm soát truy cập nào



- ☐ a. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ b. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ c. Attribute Based Access Control (ABAC)
- ☐ d. Mandatory Access Control (MAC)
- ☐ e. List Based Access Control (LBAC)

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Attribute Based Access Control (ABAC)



**Question 15**

Not answered

Marked out of 1.00

Ma trận điều khiển truy cập (Access control matrix) thể hiện mối quan hệ giữa các thành phần nào sau đây? (chọn 3)

- ☐ a. Subject
- ☐ b. Users
- ☐ c. Database
- ☐ d. Rights/Permissions
- ☐ e. Object
- ☐ f. Security policy

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Subject, Object, Rights/Permissions

**Question 16**

Not answered

Marked out of 1.00

Từ ma trận điều khiển truy cập, ta có thể suy ra các thông tin nào sau đây?

- ☐ a. Access control lists
- ☐ b. Capability lists
- ☐ c. Group policy objects
- ☐ d. Objects orientation list
- ☐ e. Subjects orientation lists

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are: Access control lists, Capability lists

**Question 17**

Not answered

Marked out of 1.00

Mô hình AAA liên quan đến các chứng năng nào sau đây?

- ☐ a. Accessing
- ☐ b. Authorization
- ☐ c. Automation
- ☐ d. Authentication
- ☐ e. Availability
- ☐ f. Accounting

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are: Authentication, Authorization, Accounting

**Question 18**

Not answered

Marked out of 1.00

Access control liên quan đến 2 chức năng chính là?

- ☐ a. Discretionary Access Control (DAC)
- ☐ b. Role Based Access Control (RBAC)
- ☐ c. Authentication
- ☐ d. Rule Based Access Control
- ☐ e. Authorization

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Authentication, Authorization

**Question 19**

Not answered

Marked out of 1.00

Cho mô tả sau: User Nam có quyền đọc và ghi trên file bt1. Nam cũng có quyền đọc trên file bt2 và có quyền thực thi trên file bt3.

User Ha có quyền đọc trên file bt1. Hà có quyền đọc và ghi trên file bt2. Hà không có quyền truy cập trên file bt3.

Xác định **ACL** (Access control list) đối với file **bt2**

- ☐ a.  $ACL(bt2) = Nam: \{read\}, Ha: \{read, write\}$
- ☐ b.  $ACL(bt2) = Nam: \{read, write\}, Ha: \{read\}$
- ☐ c.  $ACL(bt2) = Nam: \{read, execute\}, Ha: \{read, write\}$
- ☐ d.  $ACL(bt2) = Nam: \{read\}, Ha: \{read\}$
- ☐ e.  $ACL(bt2) = Nam: \{read, write\}, Ha: \{read, write\}$

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

$ACL(bt2) = Nam: \{read\}, Ha: \{read, write\}$

**Question 20**

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công Buffer Overflow có hai loại là?

- ☐ a. Heap và network overflow
- ☐ b. Stack và memory
- ☐ c. SQL injection và XSS
- ☐ d. Stack và SQL injection
- ☐ e. Heap và stack

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Heap và stack

**Question 21**

Not answered

Marked out of 1.00

Cho mô tả sau: User Nam có quyền đọc và ghi trên file bt1. Nam cũng có quyền đọc trên file bt2 và có quyền thực thi trên file bt3.

User Ha có quyền đọc trên file bt1. Hà có quyền đọc và ghi trên file bt2. Hà không có quyền truy cập trên file bt3.

Xác định **CList** (Capability list) đối với user **Ha**?

- ☐ a. CList(Ha) = bt1: {read}, bt2: {read, write}, bt3: {read, write}
- ☐ b. CList(Ha) = bt1: {read}, bt2: {read, write}, bt3: {}
- ☐ c. CList(Ha) = bt1: {}, bt2: {write}, bt3: {}
- ☐ d. CList(Ha) = bt1: {read, write}, bt2: {write}, bt3: {read}
- ☐ e. CList(Ha) = bt1: {read, write}, bt2: {read, write}, bt3: {}

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

CList(Ha) = bt1: {read}, bt2: {read, write}, bt3: {}

**Question 22**

Not answered

Marked out of 1.00

John muốn thêm luật (rule) vào ACL cho tệp script00.sh để cấp cho student04 quyền đọc và ghi đối với tệp đó. Lệnh nào sau đây được thực hiện?

- ☐ a. getfacl -m u:student04:rw- script00.sh
- ☐ b. setfacl -m u:student04:rw- script00.sh
- ☐ c. setfacl -x u:student04:rw- script00.sh
- ☐ d. getfacl -x u:student04:rw- script00.sh

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

setfacl -m u:student04:rw- script00.sh

**Question 23**

Not answered

Marked out of 1.00

Giải pháp StackGuard giúp phòng chống tấn công tràn bộ đệm trên stack thực hiện như sau

- ☐ a. Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ b. Lưu trữ giá trị Return Address ở một nơi khác và sử dụng nó để kiểm tra xem giá trị ở Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ c. Kiểm tra giá trị Return Address có bị sửa đổi hay không
- ☐ d. Kiểm tra chiều dài dữ liệu nhập trước khi thực hiện việc gán dữ liệu

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Sử dụng một vùng nhớ đệm an toàn giữa Return Address và Buffer. Sử dụng vùng nhớ đệm an toàn này để kiểm tra xem Return Address có bị sửa đổi hay không

**Question 24**

Not answered

Marked out of 1.00

Mục tiêu chính của an toàn thông tin là đảm bảo các tính chất theo mô hình **C-I-A** là?

- ☐ a. Tính sẵn sàng
- ☐ b. Tính dễ mở rộng
- ☐ c. Tính xác thực
- ☐ d. Tính toàn vẹn
- ☐ e. Tính bí mật
- ☐ f. Tính chống chối bỏ

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Tính sẵn sàng, Tính toàn vẹn, Tính bí mật

**Question 25**

Not answered

Marked out of 1.00

Trong tổ chức bộ nhớ của chương trình C, phần Data-Segment lưu các thông tin gì của chương trình?

- ☐ a. Lưu mã nguồn thực thi
- ☐ b. Lưu các biến static/global đã được khởi tạo trong chương trình
- ☐ c. Lưu các biến static/global chưa được khởi tạo trong chương trình
- ☐ d. Lưu các đối số của một hàm
- ☐ e. Lưu các biến cục bộ trong chương trình

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Lưu các biến static/global đã được khởi tạo trong chương trình

**Question 26**

Not answered

Marked out of 1.00

Phần nào trong kiến trúc bộ nhớ lưu trữ biến cục bộ trong chương trình, các dữ liệu liên quan đến lời gọi hàm?

- ☐ a. Stack
- ☐ b. Heap
- ☐ c. BSS segment
- ☐ d. Text
- ☐ e. Data Segment

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Stack

**Question 27**

Not answered

Marked out of 1.00

Mục đích chính của các kỹ thuật điều khiển truy cập là?

- ☐ a. Cung cấp tất cả các quyền truy cập cho người dùng
- ☐ b. Bảo vệ máy tính khỏi virus
- ☐ c. Ngăn chặn người dùng trái phép truy cập vào tài nguyên hệ thống
- ☐ d. Giới hạn các quyền truy cập và các hành động cho người dùng hợp pháp được sử dụng

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Giới hạn các quyền truy cập và các hành động cho người dùng hợp pháp được sử dụng

**Question 28**

Not answered

Marked out of 1.00

Cho hai số nguyên tố  $p=13$ ,  $q=19$ , giá trị  $e$  nào sẽ được chọn trong thuật toán mã hóa RSA từ số các giá trị sau:

- ☐ a. 47
- ☐ b. 27
- ☐ c. 39
- ☐ d. 21

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

47

**Question 29**

Not answered

Marked out of 1.00

Giả sử thuật toán RSA đã tạo ra cặp khóa public (7,187) và private (23,187). Message  $M = 12$  sẽ được mã hóa thành gì?

- ☐ a. 17
- ☐ b. 121
- ☐ c. 177
- ☐ d. 133

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

177

**Question 30**

Not answered

Marked out of 1.00

Giả sử thuật toán RSA đã tạo ra cặp khóa public (7,187) và private (23,187). Muốn tạo chữ kí cho message  $M = 3$  sẽ được tính là?

- ☐ a. 181
- ☐ b. 121
- ☐ c. 23
- ☐ d. 137

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

181



**Question 31**

Not answered

Marked out of 1.00

Trong mã hóa bất đối xứng (còn gọi là mã hóa hóa công khai). Bob muốn tạo 1 chữ ký cho văn bản M để gửi cho Alice. Bob cần dùng khóa gì?

- ☐ a. Khóa Private của Bob
- ☐ b. Khóa Private của Alice
- ☐ c. Khóa Public của Alice
- ☐ d. Khóa Public của Bob

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Khóa Private của Bob

**Question 32**

Not answered

Marked out of 1.00

Trong mã hóa bất đối xứng (còn gọi là mã hóa hóa công khai). Alice cần **giải mã** văn bản mà Bob gửi cho thì Alice cần dùng khóa gì?

- ☐ a. Khóa Public của Alice
- ☐ b. Khóa Private của Bob
- ☐ c. Khóa Private của Alice
- ☐ d. Khóa Public của Bob

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Khóa Private của Alice

**Question 33**

Not answered

Marked out of 1.00

Thuật toán DES – Data Encryption Standard có kích thước khối, kích thước khóa gì?

- ☐ a. Khối 56bit, khóa 48bit
- ☐ b. Khối 64bit, khóa 56bit
- ☐ c. Khối 64bit, khóa 48bit
- ☐ d. Khối 56bit, khóa 48bit

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Khối 64bit, khóa 56bit

**Question 34**

Not answered

Marked out of 1.00

Diffie - Hellman là thuật toán dùng để:

- ☐ a. Tạo khoá
- ☐ b. Hash
- ☐ c. Trao đổi khóa
- ☐ d. Mã hóa

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Trao đổi khóa

**Question 35**

Not answered

Marked out of 1.00

Để đảm bảo tính toàn vẹn của message, các giải pháp nào được dùng? (chọn 2)

- ☐ a. Mã hóa đối xứng
- ☐ b. Hash
- ☐ c. MAC – Message Authentication code
- ☐ d. Mã hóa khối

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Hash, MAC – Message Authentication code

**Question 36**

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào sau đây là tấn công bị động (passive)

- ☐ a. Ransomware
- ☐ b. Crack password
- ☐ c. DoS
- ☐ d. Scan port

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Scan port

**Question 37**

Not answered

Marked out of 1.00

Đặc điểm của tấn công chủ động (active)

- ☐ a. Dễ ngăn chặn
- ☐ b. Không ảnh hưởng đến hệ thống
- ☐ c. Khó phát hiện
- ☐ d. Dễ phát hiện

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Dễ phát hiện

**Question 38**

Not answered

Marked out of 1.00

Mã độc Rootkit thường trú ẩn ở đâu?

- ☐ a. Text file
- ☐ b. Boot Sector
- ☐ c. Hệ điều hành
- ☐ d. RAM

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Hệ điều hành

**Question 39**

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào vượt qua được cơ chế bảo mật máy tính để truy cập vào máy tính không thông qua hệ thống xác thực?

- ☐ a. Front door
- ☐ b. Backdoor
- ☐ c. Brute Force
- ☐ d. DoS

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Backdoor

**Question 40**

Not answered

Marked out of 1.00

John muốn thêm luật (rule) vào ACL cho tệp script00.sh để cấp cho nhóm **sysop** quyền đọc và thực thi đối với tệp đó. Lệnh nào sau đây được thực hiện?

- ☐ a. setfacl -x o:sysop:r-x script00.sh
- ☐ b. setfacl -x g:sysop:r-x script00.sh
- ☐ c. setfacl -m u:sysop:r-x script00.sh
- ☐ d. setfacl -m g:sysop:r-x script00.sh

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

setfacl -m g:sysop:r-x script00.sh

**Question 41**

Not answered

Marked out of 1.00

Tấn công nào sau đây là tấn công chủ động (active)

- ☐ a. Sniffing
- ☐ b. DoS
- ☐ c. Scan port
- ☐ d. ping

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

DoS

**Question 42**

Not answered

Marked out of 1.00

Thành phần nào KHÔNG phải là của virus?

- ☐ a. Cơ chế lây nhiễm
- ☐ b. Payload - những gì nó làm, độc hại hay lành tính
- ☐ c. Password
- ☐ d. Trigger - sự kiện làm cho payload được kích hoạt

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Password

**Question 43**

Not answered

Marked out of 1.00

Hai dạng mã độc nào sau đây sống độc lập?

- ☐ a. Zombie
- ☐ b. Trojan
- ☐ c. Rootkit
- ☐ d. Logic boom
- ☐ e. Worm

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Worm, Zombie

**Question 44**

Not answered

Marked out of 1.00

Mã độc nào KHÔNG lây nhiễm?

- ☐ a. Zombie
- ☐ b. Trojan
- ☐ c. Worm
- ☐ d. Virus

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Trojan

**Question 45**

Not answered

Marked out of 1.00

Metamorphic virus có đặc điểm gì?

- ☐ a. Lẩn tránh phát hiện nhờ thông minh
- ☐ b. Lẩn tránh phát hiện thông qua nén kích thước
- ☐ c. Lẩn tránh phát hiện nhờ mã hóa
- ☐ d. Lẩn tránh phát hiện thông qua việc ghi đè lên chính nó

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Lẩn tránh phát hiện thông qua việc ghi đè lên chính nó

**Question 46**

Not answered

Marked out of 1.00

Firewall lọc gói dữ liệu dựa vào những yếu tố nào?

- ☐ a. Hệ điều hành của server
- ☐ b. Vị trí đặt server
- ☐ c. IP nguồn, IP đích
- ☐ d. Đường link

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

IP nguồn, IP đích



**Question 47**

Not answered

Marked out of 1.00

Một hệ thống xác thực sinh trắc học xác định một người dùng hợp pháp là trái phép khi vào hệ thống là hiện tượng gì sau?

- ☐ a. True negative
- ☐ b. True positive
- ☐ c. False negative
- ☐ d. False positive

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

False positive

**Question 48**

Not answered

Marked out of 1.00

Một hệ thống xác thực sinh trắc học cho phép một người giả mạo hình thức nhân viên công ty khi vào hệ thống là hiện tượng gì sau?

- ☐ a. False positive
- ☐ b. False negative
- ☐ c. True positive
- ☐ d. True negative

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: False negative

**Question 49**

Not answered

Marked out of 1.00

Ví dụ nào sau đây là ví dụ về xác thực hai yếu tố?

- ☐ a. Thumbprint và card
- ☐ b. Client và server
- ☐ c. Username và password
- ☐ d. L2TP và IpSec

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Thumbprint và card

**Question 50**

Not answered

Marked out of 1.00

Hệ thống phát hiện xâm nhập dựa vào dấu hiệu (Signature-based IDS) hoạt động dựa vào yếu tố nào?

- ☐ a. Các dấu hiệu tấn công
- ☐ b. Các dấu hiệu bất thường
- ☐ c. Nội dung website
- ☐ d. Các dấu hiệu bình thường

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Các dấu hiệu tấn công

**Question 51**

Not answered

Marked out of 1.00

Hệ thống phát hiện xâm nhập dựa vào bất thường (Anomaly-based IDS) hoạt động dựa vào yếu tố nào?

- ☐ a. Nội dung website xấu
- ☐ b. Các hành vi bình thường
- ☐ c. Các hành vi bất thường
- ☐ d. Các tấn công

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

Các hành vi bình thường

**Question 52**

Not answered

Marked out of 1.00

Chế độ hoạt động nào sau đây mã hóa các khối một cách riêng biệt?

- ☐ a. Cipher block chaining mode - CBC
- ☐ b. Cipher feedback mode - CFB
- ☐ c. Electronic codebook mode - ECB
- ☐ d. Output feedback mode – OFB

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: Electronic codebook mode - ECB

**Question 53**

Not answered

Marked out of 1.00

Chuẩn nào sau đây liên quan đến an toàn thông tin?

- ☐ a. ISO 2015
- ☐ b. ISO 27001
- ☐ c. ISO 2600
- ☐ d. ISO 9001

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is: ISO 27001

**Question 54**

Not answered

Marked out of 1.00

Nam làm hỏng máy tính của Lan, tính chất nào sau đây bị vi phạm? (chọn 2)

- ☐ a. Tính sẵn sàng
- ☐ b. Tính toàn vẹn
- ☐ c. Tính bí mật
- ☐ d. Tính xác thực
- ☐ e. Tính chống chối bỏ

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answers are:

Tính sẵn sàng, Tính toàn vẹn

**Question 55**

Not answered

Marked out of 1.00

Mô hình Bell La Padula (BLP) qui định cách truy xuất thông tin là gì

- ☐ a. No read down, no write down
- ☐ b. No read up, no write up
- ☐ c. No read down, no write up
- ☐ d. No read up, no write down

Câu trả lời của bạn sai.

The correct answer is:

No read up, no write down